

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21/6/2019

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Hoài.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Nguyễn Quốc Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Thôn L 2, xã D, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (*Có mặt*).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh Tuấn, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Thôn L 2, xã D, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày: Chị và anh Nguyễn Minh T tự tìm hiểu đến với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 15/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Trong quá trình chung sống lúc đầu hạnh phúc, đến tháng 5/2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh T không lo làm ăn mà thường hay ăn nhậu về đánh đập chị dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn như mong muốn. Hiện nay vợ chồng mạnh ai nấy sống từ năm 2017 cho đến nay nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Đình Quốc Kh, sinh ngày 09/9/2009 và Nguyễn Đình Đăng K, sinh ngày 25/11/2016. Từ khi vợ chồng không

còn sống chung với nhau thì cháu K đang ở với chị, còn cháu Kh đang ở với anh T. Nếu ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu K, còn anh T nuôi cháu Kh và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm nghề buôn bán tạp hóa có thu nhập bình quân hơn 7.000.000 đồng/tháng đảm bảo cho việc nuôi con, còn anh T đang làm nghề dịch vụ cầm đồ không biết thu nhập bình quân bao nhiêu tiền/tháng. Tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị tự nguyện xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Nguyễn Minh T, nhưng anh T vẫn không có văn bản nêu ý kiến và cố tình không đến Tòa án.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ; giao cho chị Đ được quyền nuôi 01 con chung tên Nguyễn Đình Đăng K, sinh ngày 25/11/2016, giao cho anh T được quyền nuôi 01 con chung tên Nguyễn Đình Quốc Kh, sinh ngày 09/9/2009; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con; chị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Chị Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn anh Nguyễn Minh T và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

[2]. *Về sự vắng mặt của bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3]. *Nội dung vụ án:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Minh T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

- *Về tình trạng hôn nhân:*

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Đ kiên quyết xin được ly hôn với anh Nguyễn Minh T do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Trong cuộc sống vợ chồng thường hay bất đồng về quan điểm sống dẫn đến cãi vã nhau nên chị Đ và anh T không sống chung từ năm 2017 cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã đến nhà anh T để tổng đạt các thủ tục cho anh T nhưng anh T không có ở nhà nên Tòa án đã làm thủ tục niêm yết tại nhà anh T, Ủy ban nhân dân xã nơi anh T cư trú và Tòa án nhưng anh T không tới Tòa án để giải quyết và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Đ. Như vậy, Tòa án đã thực hiện đúng thủ tục tổng đạt cho anh T nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt. Điều này thể hiện anh T không có thiện chí đoàn tụ và cũng không tha thiết bảo vệ hạnh phúc gia đình. Chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về quan hệ con chung:*

Vợ chồng chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Minh T có 02 con tên Nguyễn Đình Quốc Kh, sinh ngày 09/9/2009 và Nguyễn Đình Đăng K, sinh ngày 25/11/2016. Từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau cho đến nay, chị Đ là người đang trực tiếp nuôi cháu K, anh T là người đang trực tiếp nuôi cháu Kh. Để đảm bảo ổn định cuộc sống và nguyện vọng của các cháu, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu K cho chị Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Kh cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 thì chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 195, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Minh T.
2. Về con chung: Giao 01 con tên Nguyễn Đình Đăng K, sinh ngày 25/11/2016 cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Giao 01 con tên Nguyễn Đình Quốc Kh, sinh ngày 09/9/2009 cho anh Nguyễn Minh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đ và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016370 ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 21/6/2019). Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Tiến